

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Ngọc Thạch

2. Ngày tháng năm sinh: 23/5/1967; Nam: ☒ Nữ: ☐ Quốc tịch: Việt Nam; ☐

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: số nhà 16/64, ngõ 16, phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phạm Ngọc Thạch, Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Hà Nội, km 9, đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: không; Điện thoại di động: 091 323 1773;

E-mail: thachpn@hanu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 1990 đến 1993: Giảng viên, Trợ lý giáo vụ Khoa tiếng Anh và Trung tâm Đào tạo Từ xa, Trường Đại học Ngoại ngữ (nay là Trường Đại học Hà Nội)

- Từ 1993 đến 2010: Giảng viên, Trợ lý giáo vụ Trung tâm Đào tạo Từ xa, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo từ xa, Phó trưởng Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Hà Nội

- Từ 2010 đến 2015: Giảng viên, Phó trưởng Khoa tiếng Anh, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Từ xa, Trường Đại học Hà Nội
- Từ 2015 đến 2016: Giảng viên, Phó trưởng Khoa tiếng Anh, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Từ xa, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Hà Nội
- Từ 2016 đến 2018: Giảng viên, Phó hiệu trưởng phụ trách Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Khảo thí, Trường Đại học Hà Nội
- Từ 2018 đến 2020: Giảng viên, Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Hà Nội
- Từ 2020 đến nay: Giảng viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Km9, đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +243 8544338

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 6 năm 1990; số văn bằng: A19061; ngành: Ngoại ngữ chuyên ngành: tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ (nay là Trường Đại học Hà Nội), Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 11 năm 2011; số văn bằng: không có; ngành: Ngôn ngữ học; chuyên ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học La Trobe, Australia

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 12 năm 2015; số văn bằng: Không có; ngành: Giáo dục; chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Victoria, Australia.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

a. Giáo dục ngoại ngữ,

b. Quản lý giáo dục đại học

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 01 cấp quốc gia, 02 cấp bộ và 04 cấp cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 31 bài báo khoa học, trong đó 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (04 bài là tác giả chính sau TS)

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 02 sách chuyên khảo, và 08 giáo trình, trong đó: chủ biên một mình 01 sách chuyên khảo và tham gia viết 01 chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Các bằng khen, giấy khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an và Trường Đại học Hà Nội.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học kể từ khi tốt nghiệp đại học năm 1990.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 32 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			1	0	40	0	40/180/54
2	2017-2018			1	0	75	0	75/145/54
3	2018-2019			1	0	0	60	60/160/54
03 năm học cuối								
4	2019-2020			1	0	0	60	60/160/54
5	2020-2021			1	0	0	60	60/160/54
6	2021-2022			0	0	0	60	60/90/50

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án ☒ TS hoặc ☐ TSKH ; tại nước: Australia năm: 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Trường Đại học Hà Nội). Số bằng: A19061; năm cấp: 1990

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đại học ngành tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NC S	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thúy Dung		HVCH	X		2016- 2017	Trường ĐHHN	Quyết định cấp bằng số 706/QĐ- ĐHHN ngày 13/4/2017
2	Vũ Thị Huyền Trang		HVCH	X		2016- 2017	Trường ĐHHN	Quyết định cấp bằng số 1421/QĐ- ĐHHN, ngày 22/6/2018
3	Nguyễn Thị Thanh Hà		HVCH	X		2017- 2019	Trường ĐHHN	Quyết định cấp bằng số 1901/QĐ- ĐHHN, ngày 9/8/2019
4	Dương Thị Diễm		HVCH	X		2020- 2021	Trường ĐHHN	Quyết định cấp bằng số 2435/QĐ- ĐHHN, ngày 21/11/2021
5	Phạm Văn Hiếu		HVCH	X		2020- 2021	Trường ĐHHN	Quyết định cấp bằng số 2435/QĐ- ĐHHN, ngày 21/11/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Higher Education in Vietnam: Flexibility, Mobility and Practicality in the Global Knowledge Economy	CK	Palgrave Macmillan Publishing House, 2014	09 (toàn bộ Sách) 01: Chương 8: Chính sách Ngoại ngữ [Foreign language policy]	GS Lý Thị Trần, GS Simon Marginson	15 trang /252 trang (Từ 168 đến 182)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Nâng cao năng lực khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong dạy ngoại ngữ	CK	Nhà xuất bản Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	01	TS Phạm Ngọc Thạch	278 trang/ 278 trang (toàn bộ)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 24/6/2022
3	Giáo trình tiếng Anh trực tuyến- Trình độ A2: Kỹ năng Nghe hiểu	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	TS Phạm Ngọc Thạch, ThS Nguyễn trà My	45 trang/77 trang (Từ 01 đến 45)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022

4	Giáo trình tiếng Anh trực tuyến- Trình độ A2: Kỹ năng Đọc hiểu	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	ThS Nguyễn Trà My, TS Phạm Ngọc Thạch	43 trang /102 trang (Từ 62 đến 102)	
5	Giáo trình tiếng Anh trực tuyến- Trình độ A2: Kiểm tra	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	ThS Nguyễn Thùy Dương, TS Phạm Ngọc Thạch	32 trang /57 trang (Từ 01 đến 32)	
6	Giáo trình tiếng Anh trực tuyến- Trình độ B1: Nghe hiểu	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	TS Phạm Ngọc Thạch, ThS An Thủy Tiên	46 trang/70 trang (Từ 01 đến 46)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022
7	Giáo trình tiếng Anh trực tuyến- Trình độ B1: Đọc hiểu	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	ThS An Thủy Tiên, TS Phạm Ngọc Thạch	28 trang /72 trang (Từ 45-72)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022

8	Giáo trình tiếng Anh trực tuyến-Trình độ B1: Kiểm tra	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	ThS Nguyễn Thùy Dương, TS Phạm Ngọc Thạch	34 trang /58 trang (Từ 01 đến 34)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022
9	Chỉnh sửa, bổ sung giáo trình B2	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	02	TS Phạm Ngọc Thạch, TS Đinh Thị Bảo Hương	28 trang/46 trang (Từ 01 đến 28)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022
10	Tài liệu, sách Từ vựng-Ngữ pháp tiếng Anh	GT	Quyết định số 1772/QĐ-ĐHHN ngày 07/9/2016 ban hành Chương trình học tiếng Anh trực tuyến	04	TS Phạm Ngọc Thạch, ThS Nguyễn Trà My, ThS Kiều Thị Trinh, ThS Đỗ Thị Thu Trang	50 trang /192 trang (Từ 143 đến 192)	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Hà Nội ký ngày 15/6/2022

Trong đó: Chủ biên một mình 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản [STT 02] và tham gia viết 01 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản [STT 01]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang...đến trang...(ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
Hướng nghiên cứu số 1: Giáo dục ngoại ngữ					
1	Xây dựng tài liệu tập huấn cho giảng viên tập huấn và giáo viên, kỹ thuật viên về khai thác, sử dụng thiết bị và ứng dụng CNTT trong dạy-học ngoại ngữ	Chủ nhiệm	Nhiệm vụ cấp Bộ: 2015 Công văn giao nhiệm vụ số 2583/BGDĐT-ĐANN, ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015-2016	Ngày 18/12/2015 Xếp loại: Đạt
2	Xây dựng phần mềm học tiếng Anh di động (M-learning) cho thanh thiếu niên ở Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài cấp Bộ: 2021 Mã số: B2020-NHF-01; QĐ phê duyệt số 3813/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2020	2021-2022	Đã nghiệm thu tiến độ tháng 11/2021. Kết quả: Đạt tiến độ.
3	Nâng cấp hệ thống ứng dụng đào tạo tiếng Anh trực tuyến, giai đoạn 3	Thành viên	Nhiệm vụ cấp cơ sở năm 2015, 2016 QĐ giao nhiệm vụ số 542/QĐ-ĐHHN ngày 04/5/2015 và QĐ giao nhiệm vụ số 1027 /QĐ-ĐHHN ngày 10/6/2016	2015-2016	Đã nghiệm thu các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ

4	Khảo sát tình hình dạy trực tuyến tại Trường Đại học Hà Nội trong giai đoạn xảy ra đại dịch Covid 19	Chủ nhiệm	Đề tài KHCN cấp cơ sở QĐ thành lập hội đồng thẩm định số 1404/QĐ-ĐHHN, ngày 23/6/2017	2021	Nghiệm thu ngày 02/8/2011. Xếp loại: Xuất sắc
Hướng nghiên cứu số 2: Quản lý giáo dục đại học					
5	Tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Thành viên nghiên cứu chính	Mã số: 503.01-2018-03. Đề tài cấp quốc gia. Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia (Nafosted)	2018-2020	Nghiệm thu ngày 20/10/2020. Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của quản trị tri thức đến năng lực nghiên cứu của giảng viên các trường đại học tại Việt Nam	Chủ nhiệm	Mã số: 503.01-2020.02. Đề tài cấp nhà nước. Quỹ Nafosted. QĐ giao nhiệm vụ số 59/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 15/4/2020	2020-2022	Đã nghiệm thu tiến độ tháng 07/12/2021, đạt tiến độ.
7	Khảo sát, học hỏi kinh nghiệm chuyển đổi và thực hiện đào tạo theo tín chỉ ở Việt Nam thuộc Nhiệm vụ chỉnh sửa Chương trình đào tạo theo định hướng tín chỉ	Chủ nhiệm	Đề tài KHCN cấp cơ sở QĐ thành lập hội đồng thẩm định số 1572/QĐ-ĐHHN, ngày 09/8/2017	2017	Nghiệm thu ngày 23/8/2017. Xếp loại: Khá
8	Khảo sát nhu cầu sinh viên từ năm I đến năm IV và cựu sinh viên thuộc Nhiệm vụ chỉnh sửa Chương trình đào tạo theo định hướng tín chỉ	Chủ nhiệm	Đề tài KHCN cấp cơ sở QĐ thành lập hội đồng thẩm định số 1571/QĐ-ĐHHN, ngày 09/8/2017	2017	Nghiệm thu ngày 23/8/2017. Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Sửa lỗi giao tiếp cho học viên thông qua chú trọng và cấu trúc, nhắc lại và tạo môi trường giao tiếp	1	Có	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			05(2005), 26-38	2005
2	Frequency and pattern of learner-instructor interaction in an online English language learning environment in Vietnam.	3	Có	Australasian Journal of Educational Technology/ 1449-5554	ISI (SSCI), Scopus (IF: 3.067; Q1)		30(6), 686-698 https://doi.org/10.14742/ajet.608	2014
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
Hướng nghiên cứu thứ nhất: Giáo dục ngoại ngữ								
3	Learner-content interaction in an online English learning course at a Vietnamese university	1	Có	Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, Đại học quốc gia Hà Nội/ 2525-2445			34(5), 137-148/ https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4307	2018

4	Tương tác giữa người học và nội dung trong chương trình đào tạo tiếng Anh trực tuyến HELLO	1	Có	Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, Đại học quốc gia Hà Nội/ 2525-2445			34(6), 89-99	2018
5	Learner - content interaction in an online English language learning course in Vietnam	2	Có	Tạp chí Khoa học giáo dục, Trường Đại học sư phạm Hà Nội / 2354-1075			65(12), Doi: 10.18173/2354-1075.2020-0106	2020
6	Factors influencing interaction in an online English course in Vietnam	1	Có	Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, Đại học quốc gia Hà Nội/ 2525-2445			36(3), 149-163/ https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4562	2020
7	An investigation of student satisfaction in an online language learning course	2	Có	International Journal of Web-based Learning and Teaching Technologies / 1548-1093	Scopus (Q3)		16(5), 121-136 Doi: 10.4018/IJWLTT.20210901.oa7	2021
8	Factors influencing Vietnamese teenagers' intention to use mobile devices for English language learning	4	Không	Advances in Social Science, Education and Humanities Research/ 2352-5398			(621), 230-245	2021

9	Học tiếng Anh di động của học sinh và sinh viên Việt nam: Một nghiên cứu so sánh	6	Có	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			67(2021), 63-81	2021
10	Usage and acceptance of mobile devices for English language learning by Vietnamese teenagers	2	Có	Computer Assisted Language Learning Electronic Journal (CALL-EJ)/ 2187-9036			23(1), 466-491	2022
11	Using Kahoot! in vocabulary learning: Evidence from a Vietnamese higher education context	2	Có	Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, Đại học quốc gia Hà Nội/ 2525-2445			38(3), 46-61	2022
12	Student teachers' views on doing EFL practicum: evidence from a Vietnamese context	1	Có	Journal of Education and Practice/ 2222-288X			13(14), 37-46. https://iiste.org/Journals/index.php/JEP/issue/view/5289	2022
Hướng nghiên cứu thứ hai: Quản lý giáo dục đại học								
13	Mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp với chương trình đào tạo Trường Đại học Hà Nội	2	Có	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			49(2016), 98-111	2016

14	Yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo tại khoa Anh-Pháp-Đức: Góc nhìn từ phía người học	1	Có	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			53(2017), 34-55	2017
15	A dynamic fuzzy multiple criteria decision-making approach for lecturer performance evaluation	6	Không	Journal of Management Information and Decision Sciences/ 1532-5806			22(3), 250-261	2019
16	Yếu tố tác động tới sự hài lòng của giảng viên và sinh viên khi dạy và học trực tuyến trong đại dịch Covid-19	4	Có	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			64(2020), 62-80	2020
17	Evaluation of lecturers' performance using a novel hierarchical multi-criteria model based on an interval complex neutrosophic set	8	Không	Decision Science Letters/ 1929-5804		5	9(2020), 119-144 Doi: 10.5267/j.dsl.2020.1.003	2020
18	Impact of motivational factors on the work results of lecturers at Vietnam National University, Hanoi	6	Không	Journal of Asian Finance, Economics and Business/ 2288-4637		71	7(8), 425-433	2020

19	Exploring relationships between learners' internet self-efficacy, online self-regulation and interaction during online learning amid Covid-19 in Vietnam	3	Có	Advances in Social Science, Education and Humanities Research/ 2352-5398			(621), 121-134	2021
20	Online learning amid Covid-19 pandemic: Students' experience and satisfaction	4	Có	Journal of E-learning and Knowledge Society/ 1826-6223	ISI (ESCI), Scopus (IF: 1.06; Q3)		17(1), 39-48 https://doi.org/10.20368/1971-8829/1135293	2021
21	Học trực tuyến: Các yếu tố tác động đến sự hài lòng của người học	4	Không	Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn/ 2354-1172			7(1), 45-64 Doi.org/10.1172/vjoss.h.v7i1.625	2021
22	Yếu tố tác động tới sự hài lòng của giảng viên dạy trực tuyến trong đại dịch Covid-19	3	Có	Tạp chí khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội/ 2615-9325			37(1), 1-21 Doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4475	2021
23	Lecturer attitudes and behavioural intentions to use learning management systems in Vietnam	2	Có	Journal of Open, Flexible and Distance Learning/ 1179-7673			25(2), 35-54 https://search.informit.org/doi/abs/10.3316/informit.348337730108367	2021

24	Research on knowledge management models at universities using fuzzy analytic hierarchy process (FAHP)	7	Có	Sustainability/ 2071-1050	ISI (SSCI), Scopus (IF: 3.251; Q1)	13(809), 1-15/ https://doi.org/10.3390/su13020809	2021
25	Nghiên cứu mô hình quản trị tri thức trong các trường đại học	6	Có	Tạp chí nhân lực khoa học xã hội/ 0866-765X		04(95), 49-55	2021
26	Online learning satisfaction during Covid-19: Evidence from a Vietnamese higher education context	2	Có	Ubiquitous Learning/ 1835-9795	Scopus (Q4)	15(2), 69-86, https://doi.org/10.18848/1835-9795/CGP/v15i02/69-86	2022
27	Online teaching satisfaction amid the Covid-19 Pandemic: Evidence from a Vietnamese higher education context	2	Có	International Journal of TESOL & Education/ 2768-4563		2(1), 310-326, Doi.org/10.54855/ijte.222119	2022
28	Tác động của động lực nghiên cứu khoa học đến năng lực nghiên cứu của giảng viên các Trường Đại học tại Hà Nội	6	Có	Tạp chí Giáo dục Việt Nam/2354-0753		22(9), 40-45	2022

29	Hợp tác nhóm trong phát triển ứng dụng tiếng Anh di động: Một nghiên cứu ở trường Đại học Hà Nội	1	Có	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			69 (2022), 70-83	2022
30	Tự chủ về tổ chức bộ máy lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học công lập: từ lý luận đến thực tiễn	1	Có	Tạp chí Giáo dục Việt Nam/ 2354-0753			22(Số đặc biệt 4), 299-305	2022
31	Quan điểm của giảng viên về tương tác trong khóa học trực tuyến	6	Không	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội/ 1859-2503			69 (2022), 84-97	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 09

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chỉnh sửa chương trình đào tạo đại học – Hệ chính quy	Thành viên BCD-Trưởng tiền ban Ngoại ngữ	QĐ số 345/QĐ-ĐHHN ngày 04/3/2016	Trường Đại học Hà Nội	Các QĐ ban hành khung và đề cương chi tiết học phần-ngành ngôn ngữ-Hệ chính quy, tháng 4 và tháng 7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội	

2	Xây dựng tài liệu tập huấn cho giảng viên tập huấn và giáo viên, kỹ thuật viên về khai thác, sử dụng thiết bị và ứng dụng CNTT trong dạy-học ngoại ngữ	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu	Công văn giao nhiệm vụ số 2583/BGDĐT-ĐANN, ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Giấy xác nhận sử dụng và nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học của Trung tâm ngoại ngữ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, ký ngày 17/6/2022	
3	Tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Thành viên nghiên cứu chính	Mã số: 503.01-2018-03. Đề tài cấp quốc gia, Quỹ Nafosted	Đại học Quốc gia Hà Nội	Công văn số 2237/ĐHQGHN-TCCB ngày 30/07/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: Không

+ Đã hướng dẫn chính 05 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không ☐

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 04 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: Không

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS Phạm Ngọc Thạch